TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH** DƯƠNG Bản án số: 16/2025/KDTM-ST Ngày 27-3-2025 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	CỘNG ***HÒA*** XÃ *HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM* Độc lập - Tự do - *Hạnh phúc*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi.
2. Ông Trần Đình Thừa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 122/2024/TLST-*KDTM ngày 15* tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: *Công* ty TNHH N; trụ sở: Số H Hồ N, Phường I, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Đức T - Chức danh: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Minh Đ, sinh năm 1988; tạm trú: Số A Đường số C, khu dân cư P, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 01/9/2024). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên K; trụ sở: Số A L, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc Đ1 - Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty TNHH N trình bày:

Theo hợp đồng số 1300320/HĐMB/NHH-SPN ký ngày 30/03/2020 và hợp đồng số 200420/HĐMB/NHH-LK ký ngày 20/04/2020, cùng các hóa đơn, chứng

từ, giấy tờ khác thể hiện thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao hàng đầy đủ theo yêu cầu của bị đơn. Nội dung hợp đồng các bên đã thỏa thuận mức lãi chậm thanh toán là 0,1%/ngày. Vì vậy trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 786.072.589 đồng. Trong đó nợ gốc là 234.870.300 đồng và tiền lãi theo đối chiếu công nợ tính đến ngày 25/12/2023 là 551.202.289 đồng.

Về thời điểm tính lãi: Trong đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn tạm tính lãi đến ngày 25/12/2023 để xác định giá trị khởi kiện. Tuy nhiên, theo Khoản 2 Điều 306 Bộ luật Dân sự, lãi suất phải được tính đến thời điểm bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, do bị đơn vẫn chưa thanh toán nên nguyên đơn đề nghị Tòa án tính lãi cho đến thời điểm Tòa án ra bản án sơ thẩm. Về thỏa thuận lãi suất trong hợp đồng và các biên bản chốt công nợ: Trong Hợp đồng số 1300320/HĐMB/NHH-SPN ký ngày 30/03/2020 và hợp đồng số 200420/HĐMB/NHH-LK ký ngày 20/04/2020, các bên thỏa thuận: Lãi suất chậm thanh toán là 0,1%/ngày, áp dụng trong 7 ngày kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, do bị đơn liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán, hai bên đã thương thảo và ký kết các biên bản chốt công nợ. Trong các biên bản này, bị đơn đã tự nguyện xác nhận việc tiếp tục áp dụng mức lãi suất 0,1%/ngày cho đến khi thanh toán dứt điểm. Điều này khẳng định rằng: Bị đơn đã thừa nhận áp dụng lãi suất 0,1%/ngày ngay cả sau thời hạn 7 ngày; Đơn hàng ngày 17/06/2020 và 05/03/2021 tuy không được đề cập đến trong hợp đồng nhưng ở các buổi làm việc bị đơn đã tự nguyện xác nhận việc tiếp tục áp dụng mức lãi suất 0,1%/ngày và ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho hai đơn hàng này. Song theo quy định pháp luật, phần lãi vượt trần 20%/năm không có hiệu lực. Do vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án điều chỉnh lãi suất cho tất cả các ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ về mức tối đa 20%/năm (tương đương với 0,05479%/ngày) tính đến ngày ra bản án sơ thẩm, cụ thể như sau:

Đơn hàng 1 (ngày 30/03/2020): Số tiền: 100.000.000 đồng; thời gian chậm trả là: 30/04/2020 – 27/03/2025 = 1.793 ngày; lãi suất một ngày tương đương 0,05479%. Vì vậy, lãi suất cần thanh toán là 98.328.470 đồng.

Đơn hàng 2 (ngày 21+22/04/2020):

Giai đoạn 1 (ngày 23/05/2020 đến ngày 21/01/2021): Số tiền: 138.009.000 đồng; thời gian chậm thanh toán là 243 ngày; lãi suất một ngày tương đương 0,05479%. Vì vậy, lãi suất cần thanh toán là 58.009.000 đồng. Giai đoạn 2 (từ ngày 22/01/2021 đến ngày 27/03/2025): Số tiền: 58.009.000 đồng; thời gian chậm thanh toán là 1.526; lãi suất một ngày tương đương 0,05479%. Vì vậy, lãi suất cần thanh toán là 48.501.058 đồng.

Đơn hàng 3 (ngày 17/06/2020): Số tiền: 73,872,000 đồng; thời gian chậm trả tính từ ngày 18/7/2020 đến ngày 27/3/2025 là 1.714 ngày, lãi suất một ngày tương đương 0,05479%. Vì vậy, lãi suất cần thanh toán là 69.373.240 đồng.

Đơn hàng 4 (ngày 05/03/2021): Số tiền: 3.076.000 đồng; thời gian chậm trả tính từ ngày 06/4/2021 đến ngày 27/3/2025 là 1.452 ngày, lãi suất một ngày tương đương 0,05479%. Vì vậy, lãi suất cần thanh toán là 2.447.114 đồng.

Như vậy, tổng tiền lãi phải trả đến ngày 27/03/2025 là 236.934.358 đồng.

Theo bảng tính công nợ gốc thì: Đơn hàng ngày 30/03/2020: Tổng giá trị: 202.671.000 đồng; thanh toán ngày 30/03/2020 là: 102.671.000 đồng; Còn lại: 202.671.000 - 102.671.000 = 100.000.000 đồng. Đơn hàng ngày 21+22/04/2020: Tổng giá trị: 275.969.000 đồng; thanh toán ngày 22/04/2020 là: 137.960.000 đồng; thanh toán ngày 21/01/2021: 80.000.000 đồng; còn lại: 275.969.000 - 137.960.000 - 80.000.000 = 58.009.000 đồng. Đầu năm 2020 còn nợ gốc là: 446.300 đồng; thanh toán ngày 22/04/2020 là: 500.000 đồng; còn lại/Dư: 446.300 - 500.000 = - 53,700 đồng (còn dư 53.700 đồng). Đơn hàng ngày 16/06/2020: Tổng giá trị: 49.357.000 đồng; thanh toán ngày 18/06/2020 là 4.370.000 đồng (chuyển khoản); thanh toán ngày 18/06/2020: 45.000.000 đồng (tiền mặt); còn lại/Dư: 49.357.000 - 4.370.000 - 45.000.000 = 13.000 đồng (dư 13.000 đồng). Đơn hàng ngày 17/06/2020: Tổng giá trị: 73.872.000 đồng (chưa thanh toán). Đơn hàng ngày 05/03/2021: Tổng giá trị: 119.602.000 đồng; thanh toán ngày 05/03/2021 là: 71.000.000 đồng (chuyển khoản); thanh toán ngày 05/03/2021: 45.526.000 đồng (tiền mặt); còn lại: 119.602.000 - 71.000.000 - 45.526.000 = 3.076.000 đồng. Đơn hàng ngày 16/03/2021: Tổng giá trị: 38.180.000 đồng; Thanh toán ngày 17/03/2021: 38.200.000 đồng (tiền mặt); còn lại/dư: 38.180.000 - 38.200.000 = - 20.000 đồng (dư 20.000 đồng)

Do vậy, tổng nợ còn lại là 234.957.000 đồng. (Cụ thể: 100.000.000 + 58.009.000 + 73.872.000 + 3.076.000 = 234.957.000 đồng). Tổng tiền bị đơn trả dư là 86.700 đồng. (Cụ thể: 53.700 + 13.000 + 20.000 = 86.700 đồng). Tổng nợ còn lại sau khi trừ đi số tiền bị đơn trả dư là 234.870.300 đồng (Cụ thể 234.957.000 - 86.700 = 234.870.300 đồng). Tổng lãi phải trả đến ngày 27/3/2025 là 236.934.358 đồng. (Cụ thể: 98.238.470 + 18.374.476 + 48.501.058 + 69.373.239 + 2.447.114 = 236.934.358 đồng). Tổng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 471.804.658 đồng.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận số nợ gốc là 234.870.300 đồng. Áp dụng lãi suất tối đa 20%/năm (tương đương 0,05479%/ngày) và tính lãi đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 27/3/2025 với số tiền là 236.934.358 đồng. Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền là 471.804.658 đồng. Bao gồm: nợ gốc 234.870.300 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán là 236.934.358 đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Quá trình tố tụng, bị đơn Công ty TNHH MTV K đã được Tòa án thông báo thụ lý, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa vào các ngày 10/3/2025 và ngày 27/3/2025 nhưng đều vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu Tòa án

triệu tập thêm người tham gia tố tụng, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn Công ty TNHH MTV K Ký được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH MTV K Ký được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 10/3/2025 và ngày 27/3/2025 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Theo Hợp đồng số 1300320/HĐMB/NHH-SPN ký ngày 30/03/2020 và hợp đồng số 200420/HĐMB/NHH-LK ký ngày 20/04/2020. Nguyên đơn đã giao đủ hàng hóa theo yêu cầu của bị đơn. Việc giao nhận hàng hóa có hóa đơn, chứng từ. Sau khi nhận hàng bị đơn đã thực hiện việc thanh toán nhiều lần cho nguyên đơn theo nhiều đơn hàng khác nhau. Ngày 25/12/2023, hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ và cập nhật tiền hàng còn nợ thông qua bảng đối chiếu công nợ. Nguyên đơn thừa nhận có một số đơn hàng bị đơn đã thực hiện thanh toán dư số tiền 86.700 đồng và đồng ý khấu trừ vào tiền gốc nên số tiền gốc bị đơn còn phải thanh toán là 234.870.300 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc còn lại là 234.870.300 đồng.

[2.2] Xét thấy, hợp đồng số 1300320/HĐMB/NHH-SPN ký ngày 30/03/2020 và hợp đồng số 200420/HĐMB/NHH-LK ký ngày 20/04/2020 đã ký kết thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện. Khi hợp đồng được thực hiện, hàng hóa mua bán được xuất hóa đơn, chứng từ đầy đủ và hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ với nhau, bên bán đã giao đủ hàng nhưng bên mua không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ theo thỏa thuận của hợp đồng. Quá trình tố tụng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ ký, mộc dấu của bị đơn trong các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp; đồng thời bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán với số tiền gốc 234.870.300 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xem xét yêu cầu tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

[3.1] Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác". Xét thấy, các hợp đồng số 1300320/HĐMB/NHH-SPN ký ngày 30/03/2020 và hợp đồng số 200420/HĐMB/NHH-LK ký ngày 20/04/2020 hai bên thỏa thuận lãi suất 0,1%/ngày nhưng tại phiên tòa nguyên đơn xác định yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm thực hiện là 20%/năm (tương đương 0,05479%/ngày). Việc nguyên đơn xác định lại tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận. Vì vậy, khi bị đơn vi phạm hợp đồng do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ngoài việc thanh toán tiền mua hàng còn thiếu, bị đơn còn phải trả tiền lãi trên số tiền gốc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[3.2] Bị đơn không cung cấp lời khai, không cung cấp chứng cứ về việc đã thanh toán nên lãi chậm thanh toán được tính theo các hóa đơn giá trị gia tăng và hợp đồng, bằng đối chiếu công nợ đã ký kết, đồng thời được tính giảm dần theo số tiền gốc và thời gian đã thanh toán theo xác định của nguyên đơn, cụ thể như sau: Đơn hàng 01 ngày 30/3/2020 với số tiền 100.000.000 đồng; thời gian chậm trả tính từ ngày 30/4/2020 đến ngày 27/3/2025 là 1.793 ngày. Lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tương đương 0,05479%/ngày. Vì vậy, lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 98.328.470 đồng. Đơn hàng 02 (ngày 21 và 22/4/2020): Giai đoạn 1 (tính từ ngày 23/5/2020 đến ngày 21/01/2021 với số tiền: 138.009.000 đồng; thời gian chậm trả là 243 ngày; lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tương đương 0,05479%/ngày. Vì vậy, lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 18.374.477 đồng. Giai đoạn 2 (từ ngày 22/01/2021 đến ngày 27/3/2025) với số tiền: 58.009.000 đồng; thời gian chậm trả là 1.526; lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tương đương 0,05479%/ngày. Vì vậy, lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 48.501.058 đồng. Đơn hàng 03 (ngày 17/6/2020) với số tiền: 73.872.000 đồng; thời gian chậm trả từ ngày 18/7/2020 đến ngày 27/3/2025 là 1.714 ngày; lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tương đương 0,05479%/ngày. Vì vậy, lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 69.373.240 đồng. Đơn hàng 04 (ngày 05/3/2021) với số tiền: 3.076.000 đồng; thời gian chậm trả từ ngày 6/4/2021 đến ngày 27/3/2025 là 1.452 ngày; lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ tương đương 0,05479%/ngày. Vì vậy, lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 2.447.114 đồng. Như vậy, tổng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày 27/3/2025 là 236.934.358 đồng. [Cụ thể: 98.238.470 + 18.374.476 + 48.501.058 + 69.373.239 + 2.447.114 = 236.934.358 đồng**].**

[4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N đối với Công ty TNHH MTV K Ký về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Buộc Công ty TNHH MTV K Ký phải thanh toán cho Công ty TNHH N tổng số tiền 471.804.658đ (bốn trăm bảy mươi mốt triệu tám trăm linh bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Trong đó:

+ Tiền gốc là 234.870.300đ (hai trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi nghìn ba trăm đồng).

+ Tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 236.934.358đ (hai trăm ba mươi sáu triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm năm mươi tám đồng).

Lãi suất đối với số tiền gốc chưa thanh toán là 234.870.300đ (hai trăm ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi nghìn ba trăm đồng) được tiếp tục tính kể từ ngày 28/3/2025 theo mức lãi suất 0,05479%/ngày cho đến khi Công ty TNHH MTV K thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH MTV K Ký phải nộp số tiền 22.872.186đ (hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn một trăm tám mươi sáu đồng).

- Trả lại cho Công ty TNHH N số tiền 17.721.452đ (mười bảy triệu bảy trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền số 0001869 ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Vân